

# XUẤT KHẨU CỦA TRUNG QUỐC

## VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI KINH TẾ THẾ GIỚI

NGUYỄN ANH MINH\*

Cách đây hơn 5 năm, thế giới dường như nín thở trước khả năng Trung Quốc có thể phá giá đồng nhân dân tệ (NDT) để lấy lại đà cho "guồng máy xuất khẩu" của mình, và rồi thở phào nhẹ nhõm khi nước này vẫn giữ nguyên mức tỷ giá 8,28 NDT ăn 1 USD - một quyết định không mấy dễ dàng đối với Trung Quốc, nhưng lại có tầm quan trọng đặc biệt trong bối cảnh cơn bão tài chính đang hoành hành ở nhiều nước và khu vực trên thế giới. Đến nay, Trung Quốc lại phải đối mặt với tình thế hoàn toàn khác. Mỹ, Nhật Bản và các bạn hàng thương mại chủ yếu khác của Trung Quốc đang gây áp lực đòi Trung Quốc phải nâng giá đồng NDT để ngăn chặn "cơn lũ" hàng hóa Trung Quốc tràn ngập thị trường những nước này. Những diễn biến này cho thấy vị thế của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới đã có sự thay đổi quan trọng: Trung Quốc đang trở thành một thế lực có thể chi phối mạnh mẽ tới tình hình kinh tế, tài chính và thương mại trên toàn thế giới.

### Sự thần kỳ về xuất khẩu của Trung Quốc

Qua hơn hai thập kỷ cải cách và mở cửa kinh tế, Trung Quốc đã có sự chuyển mình mạnh mẽ từ một nước đóng cửa, nửa đóng cửa, kém phát triển trở thành một nền kinh tế mở phát triển năng động bậc nhất thế giới. Một trong những thành tựu nổi bật của chính sách cải cách và mở cửa kinh tế là sự gia tăng mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc. Có thể nói trong vòng hơn một thập kỷ vào cuối thế kỷ XX, Trung Quốc đã làm nên cái gọi là "sự thần kỳ về xuất khẩu" được cả thế giới khâm phục. Sự thần kỳ này được thể hiện qua các điểm sau đây.

*Thứ nhất*, có sự gia tăng nhanh chóng quy mô của ngoại thương nói chung, và xuất khẩu nói riêng trong thời kỳ cải cách và mở cửa. Đến năm 2002, tổng giá trị xuất nhập khẩu của Trung Quốc đạt 620,79 tỷ USD, gấp hơn 30 lần so với năm 1978. Năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 851,2 tỷ USD, tăng 37,1% so với năm 2002. Trong giai đoạn 1978 -

\* Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

2001, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của ngoại thương Trung Quốc là 15,5%, còn của xuất khẩu là 16%. Các con số này đều cao hơn mức tăng trưởng trung bình của GDP Trung Quốc trong cùng giai đoạn (khoảng 9,3%). Từ chỗ giữ vị trí không đáng kể trong thương mại quốc tế vào cuối những năm 1970, đến giữa thập kỷ 1990 Trung Quốc đã chính thức gia nhập câu lạc bộ các nước xuất khẩu 100 tỷ USD. Năm 2002, xuất khẩu của Trung Quốc đạt hơn 325,57 tỷ USD, đưa nước này trở thành nước xuất khẩu lớn thứ 6 trên thế giới.

*Thứ hai, cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc có sự biến đổi căn bản trong thời gian tương đối ngắn. Nếu như trong những năm đầu cải cách, mặt hàng nguyên liệu chiếm khoảng một nửa giá trị xuất khẩu, thì từ giữa những năm 1980 trở đi ưu thế bắt đầu thuộc về các mặt hàng chế biến, với tỷ trọng gia tăng đều đặn qua các năm. Kết quả là đến năm 2001, hàng chế biến chiếm tới hơn 90% tổng xuất khẩu của Trung Quốc. Có thể nói thời điểm các mặt hàng chế biến (chủ yếu là hàng dệt) thay thế các mặt hàng nguyên liệu thô để trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực chính là *điểm khởi đầu* cho sự thần kỳ về xuất khẩu của Trung Quốc.*

Vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chế biến của Trung Quốc có sự thay đổi quan trọng với việc hàng may mặc vươn lên thế chỗ hàng dệt để trở thành mặt hàng chế biến xuất khẩu quan trọng nhất. Nhưng ngay sau đó, cụ thể là đến giữa những năm 1990, thì chính bản thân hàng may mặc lại phải nhường vị trí này cho nhóm các mặt

hàng máy móc, thiết bị điện và điện tử. Vào năm 1980, các mặt hàng này mới chỉ chiếm 1,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tỷ trọng này tăng lên 19% vào năm 1992, và 29,5% vào năm 1995 - tương đương với tỷ trọng của ba mặt hàng dệt, may mặc và giày dép cộng lại. Từ năm 1996 trở đi thì chúng vượt qua nhóm hàng dệt may và giày dép về tỷ trọng trong tổng xuất khẩu. Đến năm 2002, xuất khẩu máy móc, thiết bị điện và điện tử chiếm tới gần một nửa tổng xuất khẩu của Trung Quốc. Một điểm nổi bật là các mặt hàng thuộc nhóm này đều có mức tăng trưởng xuất khẩu cao hơn so với mức tăng trưởng của tổng xuất khẩu. *Tóm lại, tốc độ chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu xuất khẩu là một trong những biểu hiện của sự thần kỳ về xuất khẩu của Trung Quốc từ giữa những năm 80 trở đi.*

*Thứ ba, sự thần kỳ về xuất khẩu của Trung Quốc còn được thể hiện qua một thực tế tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc từ năm 1985 không chỉ cao hơn mức tăng trưởng xuất khẩu của thế giới, mà còn vượt trội mức tăng trưởng xuất khẩu của những nền kinh tế được coi là thành công nhất trong việc theo đuổi chiến lược công nghiệp hóa dựa trên xuất khẩu ở châu Á. Số liệu của Ngân hàng châu Á (ADB) trong giai đoạn 1980-1994 cho thấy mức tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc đến năm 1994 đều vượt các nước nói trên (trừ Hồng Kông và Singapo do đây là hai trung tâm trung chuyển của thế giới, và trừ Thái Lan do quy mô xuất khẩu của nước này vào năm 1985 là rất nhỏ). Chỉ có trường hợp ngoại lệ là trong thời kỳ 1980-1985, Hàn Quốc và Đài Loan có mức tăng trưởng xuất khẩu cao hơn Trung Quốc, nhưng nguyên nhân là do*

vào thời kỳ đó cơ cấu xuất khẩu của Trung Quốc vẫn chủ yếu bao gồm hàng nguyên liệu thô và sơ chế, chứ chưa có sự chuyển dịch mạnh sang các mặt hàng chế biến.

*Thứ tư*, xuất khẩu của Trung Quốc có sự tăng trưởng ngoạn mục chủ yếu nhờ sự trỗi dậy và kết hợp giữa khu vực công nghiệp nông thôn với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từ cuối những năm 1980 trở đi thì khu vực công nghiệp nông thôn và các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã thay thế khu vực nhà nước để giữ vị trí chủ đạo trong tăng trưởng xuất khẩu hàng chế biến của Trung Quốc. Điểm đặc biệt là chỉ có một tỷ trọng nhỏ (10-15%) các xí nghiệp thuộc khu vực công nghiệp nông thôn tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu, nhưng chúng lại có tính năng động cao và đóng góp rất lớn cho xuất khẩu của Trung Quốc. Tới năm 1993, các xí nghiệp này đóng góp tới hơn 40% xuất khẩu của Trung Quốc. Hơn nữa, các xí nghiệp này còn đóng vai trò thống trị trong xuất khẩu những mặt hàng quan trọng đối với sự tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc như may mặc và các mặt hàng công nghiệp nhẹ nói chung. Xuất khẩu của Trung Quốc có sự tăng trưởng mạnh mẽ còn do đóng góp của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong thời gian 10 năm đầu cải cách, mặc dầu xuất khẩu của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng rất nhanh, nhưng do giá trị xuất khẩu quá thấp nên các xí nghiệp này chiếm tỷ trọng chưa đáng kể trong tổng xuất khẩu (khoảng 12,6% vào năm 1990). Nhưng từ đầu những năm 1990 trở đi thì tỷ trọng của các xí nghiệp này trong tổng xuất khẩu của Trung Quốc tăng dần, đến năm 2002 đạt tới

330,22 tỷ USD, chiếm hơn 53% và sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

### Những quan ngại chủ yếu về xuất khẩu của Trung Quốc

Trong một bản báo cáo được đưa ra vào cuối năm 2002, nhà kinh tế Stephen Roach thuộc tập đoàn Morgan Stanley (Mỹ) đã cảnh báo về những nguy cơ do sự gia tăng xuất khẩu của Trung Quốc tạo ra đối với nền kinh tế thế giới. Bản báo cáo cho rằng kinh tế thế giới đang phải đối mặt với nguy cơ giảm phát tồi tệ nhất trong vòng 70 năm qua do hàng xuất khẩu giá rẻ của Trung Quốc đang tràn ngập thị trường thế giới. Dường như mức giá của Trung Quốc đang trở thành mức giá thống trị trên thị trường. Do giá cả giảm mạnh nên nhiều ngành sản xuất như điện tử, may mặc ở Mỹ và các nước phát triển khác rơi vào tình trạng hết sức khó khăn. Hơn nữa, cơ cấu xuất khẩu hàng chế biến của Trung Quốc đang chuyển mạnh sang những mặt hàng có hàm lượng vốn và công nghệ cao, dẫn đến làm xói mòn khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất phương Tây. Vì vậy, nếu Trung Quốc nắm được vị thế thống trị trong những lĩnh vực này thì giá những sản phẩm này sẽ giảm mạnh, từ đó làm trầm trọng hơn tình trạng giảm phát trên thế giới.

Theo một ý kiến khác thì dường như Trung Quốc đang trở thành "công xưởng của thế giới" với việc các công ty nước ngoài ồ ạt thiết lập cơ sở sản xuất tại nước này để phục vụ cho thị trường toàn thế giới. Sự tích tụ các hoạt động sản xuất chế biến ở Trung Quốc, cộng với sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu các ngành công nghiệp ở Trung Quốc, được coi là mối đe dọa thực sự đối với các nhà sản

xuất phương Tây. Ngoài ra, sự gia tăng vai trò của Trung Quốc như là một trung tâm sản xuất công nghiệp của thế giới cũng có tác động mạnh đến các nước đang phát triển. Chẳng hạn như các dự án đầu tư mới của nước ngoài vào khu vực Đông Nam Á có thể giảm sút do luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có xu hướng chuyển sang địa chỉ mới hấp dẫn hơn là Trung Quốc. Một quốc gia ở châu Mỹ là Mêhicô đang phải đối mặt với tình trạng các nhà đầu tư nước ngoài di chuyển cơ sở sản xuất của mình tới Trung Quốc để tận dụng những cơ hội kinh doanh mới ở đây. Các hãng sản xuất ô tô Nhật Bản đang thăm dò khả năng tổ chức sản xuất tại Trung Quốc để từ đó xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Theo các nước công nghiệp phát triển như Mỹ và Nhật Bản thì chìa khóa để giải quyết những vấn đề trên đây chính là đồng NDT của Trung Quốc. Cách đây một thập kỷ, tỷ giá giữa NDT và đô-la Mỹ chưa có ảnh hưởng gì lớn đối với Mỹ, và kinh tế Trung Quốc thời đó cũng chưa có được vị thế quan trọng đáng kể trong nền kinh tế thế giới. Nhưng cho đến nay, do có sự bùng nổ xuất khẩu của Trung Quốc nên tỷ giá đồng NDT đã trở thành vấn đề gây nhiều tranh cãi. Quan điểm phổ biến hiện nay ở Mỹ cho rằng Trung Quốc chủ ý hạ thấp giá trị đồng NDT để thúc đẩy xuất khẩu, dẫn tới tình trạng thâm hụt thương mại với quy mô lớn và ngày càng tăng của nước này với Trung Quốc (103 tỷ USD trong năm 2002). Nếu xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm 20% như trong hai thập kỷ qua, thì đến năm 2008 thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc có thể vượt

quá 300 tỷ USD. Hơn 80 hiệp hội các nhà sản xuất ở Mỹ đã lên tiếng kêu gọi Chính phủ Mỹ gây áp lực buộc Trung Quốc tăng giá NDT. Một số nghị sĩ Mỹ còn đề xuất một dự luật nhằm trừng phạt Trung Quốc nếu nước này từ chối nâng giá NDT và thực hiện cái gọi là "thương mại không công bằng". Đích thân Bộ trưởng Tài chính Mỹ đã đi thăm Bắc Kinh để thuyết phục Trung Quốc thả nổi đồng NDT và mở cửa thị trường vốn của nước này.

Một bạn hàng thương mại quan trọng khác của Trung Quốc là Nhật Bản cũng cho rằng quá trình công nghiệp hóa ở Trung Quốc là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng giảm phát ở Nhật Bản. Việc Trung Quốc chưa mở rộng thị trường một cách tương xứng với quy mô gia tăng năng lực sản xuất của nước này là mối đe dọa đối với kinh tế Nhật Bản. Các công ty Nhật Bản khó có thể cạnh tranh được với các đối thủ Trung Quốc trên thị trường quốc tế do có sự chênh lệch quá lớn về mức lương giữa hai nước. Nhật Bản hy vọng rằng tất cả những vấn đề này sẽ được giải quyết một khi đồng NDT trở nên mạnh hơn. Các nước châu Âu cũng lo ngại về khả năng cạnh tranh bị giảm sút do NDT được gắn với đô-la Mỹ, trong khi đô-la Mỹ lại đang giảm giá so với các đồng Euro và bảng Anh. Vì vậy, việc đồng NDT mạnh lên sẽ đáp ứng được lợi ích của các nước này.

**Phải chăng Trung Quốc là mối đe dọa đối với kinh tế thế giới?**

Trước hết có thể khẳng định việc cho rằng Trung Quốc đang xuất khẩu giảm phát ra toàn thế giới là lời cáo buộc thiếu căn cứ. Trái lại, có thể chính xu hướng giảm phát toàn cầu lại là nguyên nhân

dẫn đến tình trạng giảm phát giá ở Trung Quốc. Trong những năm gần đây, sự trì trệ của kinh tế thế giới dẫn đến việc những người nhập khẩu trên thế giới có xu hướng ép giá đối với các nhà sản xuất. Để duy trì mức lợi nhuận thích hợp, các nhà sản xuất buộc phải tìm cách cắt giảm chi phí, và Trung Quốc trở thành địa điểm hết sức hấp dẫn để các công ty nước ngoài tổ chức sản xuất do có nguồn nhân công rẻ và dồi dào. Theo một số tính toán thì chi phí nhân công rẻ ở Trung Quốc có thể giúp các nhà sản xuất giảm được từ 20 đến 30% chi phí sản xuất.

Do nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong GDP của những nước như Mỹ (1,2%), Nhật Bản (1,5%) nên sự sụt giảm giá cả ở Trung Quốc chỉ có tác động rất nhỏ đến kinh tế của những nước này. Vì vậy kết luận cho rằng Trung Quốc là nguyên nhân dẫn đến giảm phát ở các nước này là không có sức thuyết phục. Hơn nữa, ngay cả khi giảm phát ở Trung Quốc đúng là nguyên nhân dẫn đến giảm phát ở một nước bạn hàng nào đó, thì cũng chưa thể khẳng định được rằng điều đó có hại cho nước này. Xét trường hợp nước bạn hàng của Trung Quốc là Nhật Bản. Khi xuất khẩu của Trung Quốc trở nên rẻ hơn thì Nhật Bản không chỉ mất đi một phần thị trường trong nước, mà còn mất thị phần ở các nước thứ ba, dẫn đến cả giá cả lẫn mức sản lượng ở Nhật Bản đều giảm. Đây là trường hợp "giảm phát tiêu cực" - căn cứ chủ yếu của những lời cáo buộc Trung Quốc xuất khẩu giảm phát sang các nước khác. Tuy nhiên, khi hàng hóa của Trung Quốc trở nên rẻ hơn thì Nhật Bản có thể nhập khẩu sản phẩm trung gian từ Trung Quốc với giá

thấp hơn, từ đó giảm được chi phí sản xuất. Kết quả là giảm phát ở Trung Quốc dẫn đến giảm phát "tích cực" ở Nhật Bản: sản lượng ở nước này tăng lên mặc dầu giá giảm xuống. Như vậy giảm phát ở Trung Quốc đồng thời dẫn đến cả giảm phát "tích cực" lẫn giảm phát "tiêu cực" ở Nhật Bản. Để kết luận dạng giảm phát nào có tác động mạnh hơn đến mức sản lượng, cần xác định được quan hệ kinh tế - thương mại giữa Trung Quốc và Nhật Bản mang tính cạnh tranh (thay thế) hay bổ sung cho nhau. Nếu mối quan hệ đó mang tính cạnh tranh thì khi đó tác động đến mức cầu sẽ mạnh hơn, và kết quả là sản lượng chịu tác động tiêu cực. Nếu hai nền kinh tế có tính bổ sung cho nhau thì tác động đến mức cung sẽ mạnh hơn, và sản lượng sẽ tăng lên. Trên thực tế, kinh tế Trung Quốc và Nhật Bản mang tính bổ sung cho nhau hơn là mang tính cạnh tranh (Trung Quốc xuất khẩu chủ yếu là hàng công nghệ thấp, trong khi Nhật Bản tập trung vào hàng công nghệ cao), do vậy giảm phát "tích cực" sẽ vượt trội giảm phát "tiêu cực". Kết luận cuối cùng là giảm phát ở Trung Quốc lại có lợi, chứ không phải có hại, đối với Nhật Bản.

Về quan ngại cho rằng Trung Quốc trở thành mối đe dọa đối với các nhà sản xuất ở các nước công nghiệp phát triển do nước này đang trở thành "công xưởng của thế giới", với cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch sang các sản phẩm công nghệ cao, thì có thể nói đây cũng là một lập luận thiếu xác đáng. Điều này có thể được lý giải qua một số điểm sau đây.

*Thứ nhất*, để trở thành công xưởng của thế giới, Trung Quốc phải trở thành nước xuất khẩu ròng các mặt hàng chế biến. Hơn nữa, mức dư của xuất khẩu

hàng chế biến phải gia tăng tương ứng với mức tăng quy mô sản xuất công nghiệp tại Trung Quốc. Từ năm 1993 đến năm 2002, tổng sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc tăng từ 480 tỷ USD lên 1300 tỷ USD. Kết quả là tỷ trọng sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc trong tổng sản phẩm công nghiệp của toàn thế giới tăng gần như gấp đôi, từ mức 2,4% vào năm 1993 lên 4,7% vào năm 2002. Trong cùng thời gian, tiêu dùng công nghiệp của Trung Quốc tăng từ 490 tỷ USD (1993) lên 1250 tỷ USD (2002), chiếm 4,6% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới năm 2002. Như vậy, mức xuất khẩu ròng các mặt hàng chế biến của Trung Quốc là 50 tỷ USD, tương đương với 0,18% tổng sản phẩm công nghiệp toàn cầu. Nhìn chung, sau khi tăng lên 45 tỷ USD vào năm 1997 thì mức xuất khẩu ròng hàng chế biến của Trung Quốc tỏ ra tương đối ổn định. Như vậy, mặc dầu Trung Quốc ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong sản lượng công nghiệp của thế giới, nhưng phần lớn mức tăng đó bị triệt tiêu bởi mức tăng của nhu cầu tiêu dùng công nghiệp trong nước. Theo nhiều nhà kinh tế thì khác với Nhật Bản và Hàn Quốc, Trung Quốc sẽ chủ yếu dựa vào nhu cầu trong nước, hơn là dựa vào xuất khẩu, để duy trì tăng trưởng kinh tế.

*Thứ hai*, mặc dầu xuất khẩu hàng chế biến của Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng nhanh, nhưng xét về tỷ trọng trong xuất khẩu hàng chế biến của cả thế giới thì Trung Quốc vẫn chỉ ở vị trí khiêm tốn. Trong năm 2002, xuất khẩu hàng chế biến của Trung Quốc đạt 239 tỷ USD, chỉ chiếm khoảng hơn 5% tổng xuất khẩu mặt hàng này của thế giới, và bằng một nửa xuất khẩu hàng chế biến

của Đức. Xét về cơ cấu xuất khẩu thì tuy các sản phẩm công nghệ cao có mức tăng trưởng xuất khẩu nhanh trong những năm gần đây, nhưng nhìn chung các sản phẩm truyền thống sử dụng nhiều lao động vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu của Trung Quốc. Những sản phẩm này chiếm tới hơn 70% tổng xuất khẩu của Trung Quốc tới các bạn hàng thương mại lớn là Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu. Hơn nữa, phần lớn những mặt hàng chế biến xuất khẩu, trong đó có các mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cao của Trung Quốc như điện tử, bán dẫn, viễn thông, lại chủ yếu được sản xuất dưới hình thức gia công và lắp ráp bằng linh phụ kiện và bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài. Mặc dầu Trung Quốc có mức thặng dư thương mại trong buôn bán với thế giới, nhưng riêng đối với nhóm sản phẩm quan trọng là máy móc thiết bị thì Trung Quốc nhập khẩu nhiều hơn là xuất khẩu, và mức chênh lệch này có xu hướng ngày càng tăng. Như vậy, nếu nói rằng Trung Quốc đang trở thành nơi cung cấp những mặt hàng chế biến sử dụng nhiều lao động và có giá trị gia tăng thấp cho phần còn lại của thế giới, thì ngược lại, phần còn lại của thế giới sẽ trở thành nơi cung cấp những mặt hàng có hàm lượng vốn và giá trị gia tăng cao cho Trung Quốc. Điều này rõ ràng phù hợp với quy luật lợi thế so sánh và những nguyên tắc của phân công lao động quốc tế.

*Thứ ba*, mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc tới kinh tế thế giới bị chi phối bởi một thực tế là cho đến nay quy mô kinh tế của Trung Quốc vẫn còn tương đối nhỏ: trong tổng sản phẩm của thế giới thì Trung Quốc chiếm khoảng 3,5%, trong khi Mỹ chiếm tới hơn 20%. Trung

Quốc cũng tỏ ra kém xa các nước như Mỹ, Nhật Bản và Đức xét về chi phí dành cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Nếu như chi phí R&D của các nước công nghiệp phát triển thường chiếm từ 2,3-2,7% GDP thì ở Trung Quốc con số này chỉ là 0,5%. Năm 2000, chi phí R&D của Trung Quốc là 10,7 tỷ USD, tương đương với chi phí R&D trung bình hàng năm của một tập đoàn công nghiệp lớn của Đức là Siemens.

Tuy nhiên, cần lưu ý là những lập luận trên đây không hàm ý rằng Trung Quốc không thể có được vai trò chi phối nhất định đối với các ngành sản xuất công nghiệp có hàm lượng vốn - công nghệ và giá trị gia tăng cao trên thế giới. Trong tương lai, Trung Quốc không thể chỉ dựa vào cơ cấu xuất khẩu như hiện tại để duy trì tăng trưởng kinh tế, mà phải chuyển mạnh sang việc tạo lập năng lực công nghệ riêng của mình và hình thành các ngành sản xuất định hướng xuất khẩu có hàm lượng vốn - công nghệ cao và sử dụng các sản phẩm trung gian có giá trị gia tăng cao được sản xuất ngay tại trong nước. Nếu Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu này một cách nhanh chóng thì chắc chắn điều đó sẽ tạo ra mối đe dọa thực sự đối với các công ty phương Tây. Tuy nhiên, với điều kiện hiện tại thì khả năng này chưa thể xảy ra trong một tương lai gần. Trình độ công nghiệp hóa của Trung Quốc hiện nay còn thấp, với hơn 50% lực lượng lao động tập trung vào khu vực sản xuất nguyên liệu và sản phẩm sơ chế. Lao động vẫn sẽ là một trong những lợi thế so sánh chính của Trung Quốc trong một thời gian dài. Lợi thế này sẽ chỉ mất đi khi quá trình di cư lao động từ khu vực nông thôn tới các nhà máy ở thành thị

kết thúc. Nhưng với nguồn cung lao động dồi dào dường như vô tận, quá trình đó có lẽ phải kéo dài trong quãng thời gian tới hàng thập kỷ.

Cuối cùng là vấn đề liên quan đến giá trị của đồng NDT. Có thể nói cuộc tranh cãi hiện nay về tỷ giá NDT là điều tất yếu bởi lẽ Trung Quốc đang nổi lên như là một trong những cường quốc kinh tế và thương mại hàng đầu thế giới. Nhưng theo nhận xét của nhiều nhà phân tích, cuộc tranh cãi này không còn mang tính chất thương mại đơn thuần mà đã được các nước, đặc biệt là Mỹ, "chính trị hóa" nhằm phục vụ cho những mục đích nhất định của của mình. Chính vì vậy, trong chuyến thăm Bắc Kinh vào tháng 10/2003, Bộ trưởng Tài chính Mỹ chính thức yêu cầu Trung Quốc thả nổi đồng NDT và mở cửa thị trường vốn của nước này mặc dầu Mỹ biết chắc rằng đề nghị này sẽ bị Trung Quốc bác bỏ. Áp lực đòi tăng giá NDT còn được bắt nguồn từ việc Đảng Cộng hòa đang cầm quyền không muốn vấn đề thương mại với Trung Quốc trở thành mục tiêu công kích của đối thủ là Đảng Dân chủ trong bối cảnh chiến dịch tranh cử Tổng thống ở Mỹ đang dần đến hồi quyết liệt. Ngoài ra, do kinh tế Mỹ gặp khó khăn, nhiều ngành sản xuất bị thu hẹp do sự bành trướng xuất khẩu của Trung Quốc, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao nên phía Mỹ đã tìm được đối tượng thích hợp để trút mọi sự chỉ trích là Trung Quốc. Chính vì vậy, một nhà kinh tế tỏ ra có lý khi nói rằng lối thoát đối với với Trung Quốc chính là sự phục hồi của kinh tế Mỹ - chừng nào kinh tế Mỹ còn yếu kém thì đồng NDT vẫn được coi là thủ phạm chính, còn nếu kinh tế Mỹ phục hồi vững thì có lẽ mọi sự chỉ trích đối với đồng NDT sẽ bị lãng quên.

Nếu nhìn nhận dưới giác độ kinh tế thì yêu cầu của Mỹ đòi Trung Quốc phải thả nổi ngay đồng NDT là không thích hợp vì những lý do sau: *Thứ nhất*, những người cho rằng đồng NDT được định giá thấp hơn so với giá trị thực của nó (từ 30 đến 40% hoặc cao hơn nữa) đã đánh đồng mức thặng dư thương mại lớn của Trung Quốc với Mỹ với mức thặng dư trong tài khoản vãng lai nói chung của Trung Quốc. Sở dĩ Trung Quốc có mức thặng dư thương mại lớn với Mỹ là do có một lượng lớn hàng hóa trước đây được một số nền kinh tế châu Á (như Hong Kong, Đài Loan) sản xuất và xuất khẩu tới Mỹ, thì nay lại được chuyển sang gia công tại Trung Quốc để phục vụ thị trường Mỹ. Nói cách khác, sự gia tăng xuất khẩu của Trung Quốc đi liền với sự sụt giảm xuất khẩu từ nhiều nước châu Á tới Mỹ. Tương tự, mức dư trong tài khoản vốn của Trung Quốc còn có xu hướng bị đánh đồng với mức dư của dòng vốn FDI. Trong giai đoạn 1999-2002, mức dư trong tài khoản vốn của Trung Quốc bằng 1% GDP, thấp hơn nhiều so với mức dư của dòng vốn FDI (4% GDP).

*Thứ hai*, nếu Trung Quốc thả nổi ngay đồng NDT thì trong bối cảnh hệ thống tài chính của Trung Quốc còn yếu kém, cách tiếp cận theo kiểu "liệu pháp sốc" như vậy có thể châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng tài chính mới không chỉ đối với Trung Quốc, mà đối với cả các nước trong khu vực và thế giới nói chung. Việc thả nổi đồng NDT và tự do hóa các giao dịch thuộc tài khoản vốn trong điều kiện hiện nay có thể dẫn đến tình trạng nguồn vốn của Trung Quốc sẽ chảy ra nước ngoài với quy mô lớn, và nếu điều này thực sự diễn ra thì đồng NDT sẽ lại mất giá, chứ không phải tăng

giá như được mong đợi. Những ai kêu gọi Trung Quốc thả nổi ngay đồng NDT dường như đã quên bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á cách đây vài năm, cũng như những gì mới chỉ diễn ra gần đây ở Argentina.

Nếu việc thả nổi NDT vào thời điểm hiện nay là chưa thích hợp thì câu hỏi đặt ra là Trung Quốc phải làm gì với đồng NDT? Theo quan điểm của Trung Quốc, việc ổn định đồng NDT sẽ có lợi cho công cuộc ổn định và phát triển kinh tế không chỉ ở Trung Quốc, mà cả ở châu Á và toàn thế giới. Bản thân Trung Quốc cũng thừa nhận rằng đồng NDT được định giá thấp, nhưng lại cho rằng vấn đề có thể được giải quyết thông qua những biện pháp tự do hóa có lựa chọn đối với các giao dịch thuộc tài khoản vãng lai và tài khoản vốn, trong khi vẫn duy trì mức ngang giá chính thức giữa NDT và đô-la Mỹ. Trung Quốc đã và đang áp dụng một số biện pháp theo chiều hướng này, chẳng hạn như cho phép nhiều doanh nghiệp được giữ lại ngoại tệ thay vì phải bán lại cho ngân hàng Trung ương, cho phép các ngân hàng nhà nước được phát hành trái phiếu bằng đô-la trên thị trường trong nước, đơn giản hóa thủ tục cấp phép đối với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đang cân nhắc việc giảm tỷ lệ hoàn thuế giá trị gia tăng đối với xuất khẩu từ 15% xuống 11% vào đầu năm 2004, cho phép các công dân và tổ chức tài chính trong nước được mua một số lượng hạn chế cổ phiếu của nước ngoài. Tuy nhiên, theo nhận định của nhiều chuyên gia, hiệu quả của những biện pháp rất hạn chế, và chúng có thể lại khiến cho dòng vốn đầu cơ đổ vào Trung Quốc nhiều hơn. Trên thực tế, để



duy trì mức tỷ giá hiện tại của NDT, Trung Quốc phải can thiệp hàng ngày trên thị trường ngoại hối bằng cách mua đô-la Mỹ số lượng lớn, và vì thế lượng dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc ngày càng tăng. Ngoài ra, nguồn vốn từ bên ngoài còn đổ vào Trung Quốc dưới hình thức FDI: trong năm 2002, Trung Quốc đã vượt Mỹ và trở thành nước thu hút nhiều FDI nhất thế giới (gần 53 tỷ USD). Như vậy, những biện pháp nhằm giữ ổn định đồng NDT lại dẫn đến kết quả là luồng vốn đổ vào Trung Quốc ngày càng nhiều hơn, và từ đó áp lực tăng giá đối với NDT lại càng mạnh lên.

Tóm lại, nếu như việc thả nổi NDT vào thời điểm hiện tại là không thích hợp, và việc tiếp tục duy trì sự ổn định của đồng NDT cũng không phải là giải pháp hữu hiệu trong dài hạn, thì có lẽ giải pháp thích hợp phải nằm đâu đó giữa hai lựa chọn nói trên. Theo các nhà phân tích, cuối cùng thì Trung Quốc cũng sẽ phải chấp nhận việc nâng giá NDT, và tiến tới thả nổi đồng tiền này. Vấn đề đặt ra là mức độ nâng giá như thế nào là thích hợp, và cần thực hiện việc nâng giá và thả nổi NDT vào thời điểm nào. Trong một bài viết đăng trên tạp chí *Asian Wall Street Journal* ra ngày 12-9-2003, hai nhà kinh tế thuộc Viện Kinh tế quốc tế là Goldstein và Lardy đưa đã đưa ra một đề xuất khá cụ thể, theo đó việc cải cách chế độ tỷ giá của Trung Quốc cần được thực hiện theo hai bước. *Bước thứ nhất* là Trung Quốc phải nâng giá ngay đồng NDT với quy mô vừa phải (khoảng từ 15 đến 25% - là mức cần thiết để lập lại cân bằng trong cán cân thanh toán của Trung Quốc), mở rộng biên độ giao dịch của NDT và chuyển sang chế độ neo giữ đồng NDT

với một rổ tiền tệ gồm ba đồng tiền là đô la Mỹ, euro và đồng yên Nhật Bản, thay vì chỉ gắn NDT với một đồng tiền duy nhất là đô la Mỹ như hiện nay. *Bước thứ hai* là Trung Quốc sẽ áp dụng chế độ thả nổi có quản lý đồng NDT sau khi hệ thống tài chính của nước này đủ mạnh để có thể cho phép tự do hóa các giao dịch thuộc tài khoản vốn. Theo các tác giả trên thì những biện pháp cải cách này được coi là đáp ứng lợi ích không chỉ đối với Trung Quốc và Mỹ, mà cả với các nước Tây Âu, Nhật Bản và các nước châu Á khác.

Điều gì sẽ xảy ra đối với đồng NDT? Một lần nữa thế giới lại hướng về Trung Quốc để chờ đợi quyết định của nước này - một quyết định được hy vọng là sẽ giúp giải tỏa được căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa Trung Quốc với các bạn hàng của mình, đặc biệt là Mỹ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chan Thomas, Noel Tracy, and Zhu Wenhui (1999) *China's Export Miracle - Origins, Results and Prospects*, MacMillan Press Ltd, London.
2. Fung K.C., H. Iizaka, and S. Tong, *Foreign Direct Investment in China: Policy, Trend and Impact*, paper prepared for an international conference on "China's Economy in the 21<sup>st</sup> Century", Hong Kong, 2002.
3. Fung K.C., H. Iizaka, and S. Tong, *Foreign Trade of China*, paper prepared for an international conference on "China's Economy in the 21<sup>st</sup> Century", Hong Kong, 2002.
4. Goldstein M., N. Lardy, "Two-Stage Currency Reform For China", *Asian Wall Street Journal*, September 12, 2003.
5. "Trung Quốc niên báo" 2003. Nxb Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Đài Bắc, 2003 (chữ Trung Quốc).
6. Thông báo của Cục Thống kê Nhà nước (Trung Quốc), ngày 26-2-2004.